

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/ 7/2022

Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Bá Long

2, Ông Phạm Văn Thường

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 199/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX- ST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2019 tại UBND xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng ngày

càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị Th xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có một con chung cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 09/12/2020, từ khi vợ chồng ly thân cháu Đ ở với anh Tuấn A, nay vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con, tại bản tự khai bổ sung ngày 15/7/2022 và tại phiên Tòa chị Th đồng ý để anh Tuấn A tiếp tục nuôi con

Về tài sản và nợ: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Tuấn A: Tại bản tự khai ngày 15/7/2022 trình bày:

Về hôn nhân: Cơ sở kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh thống nhất như chị Th trình bày, nay chị Th xin ly hôn anh cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân lâu nay không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có một con chung như chị Th trình bày là đúng, từ khi vợ chồng ly thân cháu Hải Đ ở với anh và ông bà nội tại thôn T, xã D, huyện T, cháu học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, nay vợ chồng ly hôn anh xin tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Anh thống nhất ý kiến chị Th, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

*> Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Căn cứ điều kiện thực tế gia đình của mỗi bên, để ổn định việc học tập, sinh hoạt của con, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng, chị Th được quyền đi lai thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Tuấn A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với và anh Trần Tuấn A, anh Trần Tuấn A có hộ khẩu và đang cư trú tại xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Tuấn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2019 tại UBND xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và lối sống không hòa hợp, hai bên đều có lối sống tự do cá nhân không chăm lo cuộc sống gia đình, không tu chí làm ăn, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tuấn A, xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng thể hiện qua kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi vợ chồng và con chưa thành niên sinh sống trước khi ly thân, thấy vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, bà Hoàng Thị Th mẹ đẻ anh Trần Tuấn A cũng xác nhận điều này, tại bản tự khai anh Tuấn A cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng như chị Th trình bày là đúng, nay chị Th xin ly hôn, anh đồng lý ly hôn với chị Th, như vậy yêu cầu ly hôn của

chị Th phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thùy, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trần Tuấn A.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 09/12/2020, tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Th xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con, nhưng sau khi anh Tuấn A có lời khai xin tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, tại bản tự khai bổ sung ngày 15/7/2022 và tại phiên Tòa chị Th đồng ý để anh Tuấn A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Hải Đ.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xác minh thu thập tại địa phương, ý kiến của hai vợ chồng, ý kiến của bà Hoàng Thị Th mẹ đẻ anh Tuấn A thấy: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Tuấn A có một con chung cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 09/12/2020, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay cháu Hải Đ đang sinh sống, học tập, sinh hoạt cùng gia đình anh Tuấn A và ông bà nội Trần Văn Tr, Hoàng Thị Th tại thôn thị Tứ, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, hiện cháu đang học trường mầm non tư thục Hoa Hồng tại phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, mọi chi phí đóng góp ăn học do anh Tuấn A và bà Hoàng Thị Th đóng (BL 51)

Nay vợ chồng ly hôn và thỏa thuận, anh Tuấn A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải Đ, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Thỏa thuận của vợ chồng về giao nuôi con phù hợp với tài liệu chứng cứ và kết quả xác minh Tòa án, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về giao nuôi con của vợ chồng, giao anh Trần Tuấn A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 09/12/2020, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc cháu Đ, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Tuấn A

Về con chung: Giao anh Trần Tuấn A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 09/12/2020, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chị Th được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 6629 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị Th đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Dân Lực;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, tổ HCTP..

Lê Đình Hợp